TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 320/2024/HNGĐ-ST Ngày: 28-3-2024 V/v tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phi Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Phương Trang;
2. Ông Lê Văn Khanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Lê Xuân Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1321/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị Thanh T, sinh năm: 1975

  Thường trú: đường K, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H. Sinh năm: 1971

  Thường trú: đường K, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản tự khai của các bên đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Dương Thị Thanh T là nguyên đơn trình bày: Bà và ông H sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 72 quyển số 01 ngày 13/4/1994 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố R, tỉnh Ninh Thuận.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và thường cãi vã nguyên nhân chính là do ông H thường xuyên nhậu bên ngoài, thường xuyên nhục mạ, xúc phạm bà, nhiều lần bà muốn ly hôn nhưng vì con cái nên bà cố gắng vun đắp, tuy nhiên càng cố gắng thì khoảng cách càng lớn, hiện tại không ai quan tâm tới ai. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Dương Anh H sinh ngày 16/7/1997, Nguyễn Dương Anh K sinh ngày 03/11/1999 và Nguyễn Dương Bảo T sinh ngày 08/7/2011, bà yêu cầu nuôi trẻ T. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày*:* Ông không đồng ý ly hôn, vì vợ chồng không có mâu thuẫn. Trường hợp bà T kiên quyết ly hôn, ông yêu cầu vợ chồng phải giải quyết vấn đề tài sản chung thì ông mới đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Dương Anh H sinh ngày 16/7/1997, Nguyễn Dương Anh K sinh ngày 03/11/1999 và Nguyễn Dương Bảo T sinh ngày 08/7/2011. Ông để con Trẻ T tự quyết định việc sẽ sống với ai.

- Về tài sản chung: Ông yêu cầu chia tài sản chung, là căn nhà số 561/62 đường K, phường A, quận T, giá trị khoảng 4.200.000.000đ, ông yêu cầu chia 2.100.000.000đ.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Bị đơn có mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông không đồng ý ly hôn, ông cho rằng bà T có người đàn ông khác nên mới đòi ly hôn, nếu ly hôn thì phải chia tài sản cho ông. Đối với con chung ông để con tự quyết định sống với ba hoặc mẹ, nếu sống với mẹ thì ông không cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tống đạt cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng và đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa bà Dương Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn H là tranh chấp ly hôn. Xét bị đơn có nơi cư trú tại số đường K, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Về thủ tục xét xử vắng mặt: Ngày 06/3/2024, nguyên đơn bà Dương Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn H có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Bà Dương Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72 quyển số 01 ngày 13/4/1994 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố R, tỉnh Ninh Thuận. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T trình bày do mâu thuẫn vợ chồng nên không thể tiếp tục chung sống, nguyên nhân phát sinh từ việc ông H thường xuyên nhậu bên ngoài, thường xuyen nhục mạ, xúc phạm bà, nhiều lần bà muốn ly hôn nhưng vì con cái nên bà cố gắng vun đắp, tuy nhiên càng cố gắng thì khoảng cách càng lớn, hiện tại không ai quan tâm tới ai. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Theo kết quả xác minh của ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình Tân cho biết " chưa nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình của bà Dương Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn H".

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, kết quả xác minh và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung hiện tại của vợ chồng bà T ông H không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau. Trong quá trình hòa giải tại tòa, các bên vẫn không có tiếng nói chung, không có thiện chí quay về đoàn tụ, tòa án đã cho thời gian để các bên hàn gắn nhưng vẫn không Hn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T ông H đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn H. Ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cũng như đã cho thời gian để các bên hàn gắn tình cảm, tuy nhiên vẫn không Hn gắn được. Ông H cho rằng bà T ngoại tình nên mới muốn ly hôn với ông, ông muốn được đoàn tụ nhưng lại không có hướng giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, ông yêu cầu phải giải quyết vấn đề tài sản chung mới đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy giữa vợ chồng đã không còn tình cảm yêu

thương nhau. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông H.

Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Dương Anh H sinh ngày 16/7/1997, Nguyễn Dương Anh K sinh ngày 03/11/1999 đều đã trưởng thành, và Nguyễn Dương Bảo T sinh ngày 08/7/2011. Ông để con Trẻ T tự quyết định việc sẽ sống với ai.

Về tài sản chung: Tại biên bản làm việc ngày 10/01/2024, ông H cho biết ông muốn Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Tòa án đã cho thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập biên bản làm việc để ông H nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên ông H không có đơn yêu cầu. Bà T yêu cầu được tự thỏa thuận tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà T ông H trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Bà Dương Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0026981 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1,3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thanh T.

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Giấy chứng nhận kết hôn số 72 quyển số 01 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố R, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 13/4/1994 không còn giá trị pháp lý.

1.2.Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Dương Anh H sinh ngày 16/7/1997, Nguyễn Dương Anh K sinh ngày 03/11/1999 hiện đã trưởng thành. Giao trẻ Nguyễn Dương Bảo T sinh ngày 08/7/2011 cho bà Dương Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn H không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Ông H bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi

1.3.Về tài sản chung, nợ chung: Do không có đơn yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện ở một vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: Bà Dương Thị Thanh T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0026981 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-Viện kiểm sát cùng cấp;
-Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phi Yến